

16

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành điện, điện  
tử (22839204)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 23..

Số bài thi: ...23...

Số tờ giấy thi: 23

| STT | Mã SV      | Họ và Tên         | Ngày sinh | Mã lớp     | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP | Ghi<br>chú |
|-----|------------|-------------------|-----------|------------|----------------|-----------|---------------|----------------|------------|------------|
| 1   | 2124060055 | Lê Bình           | An        | 24/11/2006 | CCQ2406B       |           | 0.0           |                |            |            |
| 2   | 2124060005 | Hồ Tuấn           | Anh       | 17/08/2006 | CCQ2406A       | 208       | 7.6           | 8.0            | 7.8        |            |
| 3   | 2124060115 | Hoàng Lê Tuấn     | Anh       | 06/08/2006 | CCQ2406A       | 321       | 5.5           | 8.2            | 7.1        |            |
| 4   | 2124060006 | Chu Viết          | Bảo       | 04/12/2006 | CCQ2406A       | 450       | 8.3           | 9.0            | 8.7        |            |
| 5   | 2124060021 | Phạm Văn          | Định      | 02/09/2006 | CCQ2406A       | 195       | 8.2           | 6.4            | 7.1        |            |
| 6   | 2124060036 | Mai Duy           | Dũng      | 24/07/2006 | CCQ2406B       | 208       | 7.7           | 8.4            | 8.1        |            |
| 7   | 2124060113 | Nguyễn Trịnh Đình | Hải       | 01/11/2004 | CCQ2406A       | 321       | 9.0           | 9.6            | 9.4        |            |
| 8   | 2122050120 | Phạm Thanh        | Hải       | 25/01/2004 | CCQ2205A       | 450       | 4.0           | 7.0            | 5.8        |            |
| 9   | 2124060067 | Võ Thanh          | Hải       | 10/08/2006 | CCQ2406B       |           | 0.0           |                |            |            |
| 10  | 2124060037 | Trần Trung        | Hiếu      | 12/06/2006 | CCQ2406B       | 208       | 6.0           | 9.4            | 8.0        |            |
| 11  | 2124060125 | Vũ Đức            | Hoà       | 04/01/2006 | CCQ2406A       | 195       | 8.2           | 9.0            | 8.7        |            |
| 12  | 2124060015 | Ngô Công          | Hoan      | 02/11/2006 | CCQ2406A       | 450       | 8.1           | 9.4            | 8.9        |            |
| 13  | 2124060039 | Nguyễn Khắc       | Hoàng     | 25/10/2006 | CCQ2406B       | 321       | 6.7           | 8.6            | 7.8        |            |
| 14  | 2124060034 | Nguyễn Quốc       | Hùng      | 04/09/2006 | CCQ2406A       |           | 0.0           |                |            |            |
| 15  | 2124060070 | Võ Việt           | Hùng      | 02/10/2006 | CCQ2406B       |           | 0.0           |                |            |            |
| 16  | 2124060033 | Nguyễn Phi        | Khánh     | 16/05/2006 | CCQ2406A       | 450       | 8.7           | 7.8            | 8.2        |            |
| 17  | 2124060045 | Huỳnh Viễn        | Khoa      | 23/09/2004 | CCQ2406B       | 195       | 7.5           | 9.0            | 8.4        |            |
| 18  | 2124060118 | Nguyễn Đăng       | Khoa      | 14/03/2006 | CCQ2406A       | 208       | 5.4           | 6.8            | 6.2        |            |
| 19  | 2124060022 | Phạm Hoàng        | Khôi      | 23/07/2006 | CCQ2406A       |           | 0.0           |                |            |            |
| 20  | 2124060016 | Phạm Thành        | Khương    | 29/01/2006 | CCQ2406A       | 450       | 5.0           | 8.8            | 7.3        |            |
| 21  | 2124060059 | Hồ Trung          | Kiên      | 04/11/2006 | CCQ2406B       | 195       | 6.4           | 8.8            | 7.8        |            |
| 22  | 2124060050 | Nguyễn Phước      | Lãnh      | 31/12/2004 | CCQ2406B       | 208       | 7.2           | 9.2            | 8.4        |            |
| 23  | 2124060046 | Nguyễn Thị Ngọc   | Linh      | 18/02/2006 | CCQ2406B       | 450       | 9.3           | 9.4            | 9.4        |            |
| 24  | 2124060132 | Nguyễn Xuân       | Lộc       | 08/02/2004 | CCQ2406B       |           | 0.0           |                |            |            |
| 25  | 2124060026 | Vương Toàn        | Lợi       | 04/10/2006 | CCQ2406A       | 321       | 8.8           | 9.0            | 8.9        |            |
| 26  | 2124060136 | Trần Quý          | Long      | 06/07/2006 | CCQ2406B       | 208       | 2.5           | 8.0            | 5.8        |            |
| 27  | 2124060117 | Trịnh Công        | Minh      | 11/12/2006 | CCQ2406B       | 195       | 7.1           | 9.8            | 8.7        |            |
| 28  | 2124060018 | Trịnh Thông       | Minh      | 08/11/2006 | CCQ2406A       | 450       | 8.5           | 9.2            | 8.9        |            |
| 29  | 2124060116 | Nguyễn Mạnh Hào   | Nam       | 03/12/2004 | CCQ2406B       | 321       | 6.0           | 8.2            | 7.3        |            |

17

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành điện, điện  
tử (22839204)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

*Handwritten signatures and notes:*  
Cán bộ coi thi 1: *Lưu Minh Nguyệt*  
Cán bộ coi thi 2: *Lê Cường*  
G.Viên chấm thi 1: *Hau*  
G.Viên chấm thi 2: *Ng. Thuận*  
*Minh Phước*

| STT | Mã SV      | Họ và Tên        | Ngày sinh | Mã lớp     | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV     | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|-----------|------------|-------------|---------------|------------|-------------|---------|---------|
| 1   | 2124060019 | Dương Trung      | Ngọc      | 30/05/2006 | CCQ2406A    | 195 Ngọc      | 9.0        | 9.8         | 9.5     |         |
| 2   | 2124060130 | Lê Quang         | Nguyễn    | 19/05/2005 | CCQ2406B    |               | 0.0        |             |         |         |
| 3   | 2124060027 | Tạ Quang         | Nguyễn    | 14/04/2006 | CCQ2406A    | 195 Nguyễn    | 6.4        | 9.0         | 8.0     |         |
| 4   | 2124060131 | Trần Duy         | Nhân      | 02/10/2006 | CCQ2406B    | 450 (50)/Nhan | 5.1        | 9.2         | 7.5     |         |
| 5   | 2124060043 | Trần Thành       | Nhân      | 10/12/2006 | CCQ2406B    | 195 Thanh     | 8.4        | 9.2         | 8.9     |         |
| 6   | 2124060003 | Huỳnh Minh       | Nhật      | 29/11/2006 | CCQ2406A    | 450           | 8.3        | 7.6         | 7.9     |         |
| 7   | 2124060064 | Dặng Sỹ          | Ninh      | 19/07/2006 | CCQ2406B    |               | 0.0        |             |         |         |
| 8   | 2124060048 | Nguyễn Tấn       | Phát      | 21/05/2006 | CCQ2406B    | 208           | 5.6        | 9.6         | 8.0     |         |
| 9   | 2124060007 | Nguyễn Duy       | Quang     | 30/06/2006 | CCQ2406A    | 321 Quang     | 8.3        | 8.6         | 8.5     |         |
| 10  | 2124060066 | Huỳnh Dương      | Sang      | 17/11/2006 | CCQ2406B    | 208 sang      | 5.7        | 8.6         | 7.4     |         |
| 11  | 2124060011 | Lê Văn           | Thạch     | 11/04/2006 | CCQ2406A    | 321 Thạch     | 7.2        | 9.8         | 7.0     |         |
| 12  | 2124060024 | Đỗ Thành         | Thắng     | 10/05/2006 | CCQ2406A    | 208 Thành     | 8.1        | 9.2         | 8.8     |         |
| 13  | 2124060042 | Võ Văn           | Thắng     | 13/11/2005 | CCQ2406B    | 321 Thắng     | 8.1        | 7.8         | 7.9     |         |
| 14  | 2124060052 | Trần Minh Xuân   | Thành     | 10/12/2006 | CCQ2406B    | 208           | 5.4        | 9.6         | 7.9     |         |
| 15  | 2124060069 | Lê Thị Thu       | Thảo      | 29/09/2006 | CCQ2406B    | 321 Thảo      | 8.7        | 9.4         | 9.9     |         |
| 16  | 2124060017 | Ngô Quốc         | Thiện     | 28/04/2006 | CCQ2406A    | 208 Thiện     | 7.1        | 8.7         | 7.8     |         |
| 17  | 2124060047 | Phạm Đức         | Thịnh     | 24/05/2006 | CCQ2406B    |               | 0.0        |             |         |         |
| 18  | 2124060023 | Nguyễn Đình      | Tiên      | 14/01/2006 | CCQ2406A    | 208 Tiên      | 5.1        | 8.4         | 7.1     |         |
| 19  | 2124060056 | Trương Quang     | Trình     | 15/03/2006 | CCQ2406B    | 195 Trình     | 8.1        | 9.2         | 8.8     |         |
| 20  | 2124060051 | Phùng Đình       | Trọng     | 23/07/2005 | CCQ2406B    | 208 Trọng     | 8.9        | 9.4         | 9.2     |         |
| 21  | 2124060061 | Võ Tấn           | Trung     | 10/03/2006 | CCQ2406B    | 450           | 7.5        | 9.4         | 8.6     |         |
| 22  | 2124060029 | Lê Bá            | Tường     | 23/01/2006 | CCQ2406A    | 450 Tường     | 7.7        | 9.0         | 8.5     |         |
| 23  | 2124060102 | Điền Huy         | Vân       | 29/11/2006 | CCQ2406B    | 195           | 4.3        | 9.6         | 7.5     |         |
| 24  | 2124060041 | Nguyễn Thành     | Viên      | 10/01/2001 | CCQ2406B    | 450           | 8.4        | 8.2         | 8.3     |         |
| 25  | 2124060031 | Nguyễn Quốc      | Việt      | 14/10/2006 | CCQ2406A    | 195 Việt      | 9.2        | 7.8         | 8.4     |         |
| 26  | 2124060057 | Trần Văn         | Vinh      | 29/01/2006 | CCQ2406B    |               | 0.0        |             |         |         |
| 27  | 2124060049 | Lâm Trường       | Vũ        | 06/04/2005 | CCQ2406B    | 321           | 7.2        | 7.2         | 7.2     |         |
| 28  | 2124060009 | Nguyễn Trần Quốc | Vương     | 25/09/2006 | CCQ2406A    |               | 0.0        |             |         |         |
| 29  | 2124060002 | Thiếu Quang Tấn  | Yên       | 04/07/2006 | CCQ2406A    | 450           | 8.8        | 9.8         | 9.4     |         |